ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **104** /BC- UBND	*Tuy Phước, ngày 06 tháng 9 năm 2013*

BÁO CÁO

Sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XX về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ QUA HAI NĂM RƯỠI THỰC HIỆN

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XX, nhiệm kỳ 2010-2015, UBND huyện đã xây dựng, ban hành các kế hoạch, đề án và tổ chức triển khai thực hiện trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, nhưng cũng gặp phải không ít khó khăn, thách thức: Tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, diễn biến phức tạp; nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở còn hạn chế; suy giảm kinh tế và khó khăn tài chính của các doanh nghiệp chưa có dấu hiệu phục hồi, giá cả vật tư, chi phí sản xuất đầu vào tăng, hiệu quả đầu tư, kinh doanh ở một số doanh nghiệp đạt thấp; thời tiết có lúc diễn biến phức tạp, thiên tai, hạn hán, lũ lụt và dịch bệnh cây trồng, vật nuôi thường xuyên xảy ra... đã ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Nhưng dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và nhân dân huyện nhà, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các ngành, các địa phương và đơn vị nổ lực khắc phục khó khăn, phát huy thuận lợi triển khai đồng bộ các giải pháp đề ra. Qua 2,5 năm thực hiện đạt được những kết quả như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Tổng sản phẩm địa phương theo giá so sánh 1994 (GDP) tăng bình quân hàng năm 10,5% *(NQ 12,5% - 13,5%);* trong đó:

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm bình quân hàng năm các ngành:

- Nông, lâm, thủy sản tăng 6,3% (NQ 5,2%);
- Công nghiệp, xây dựng tăng 10,2% (NQ 20,4%);
- Thương mại và dịch vụ tăng 13,6% (NQ 14,5%).

2. Cơ cấu kinh tế: Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP (theo giá thực tế) giảm từ 23% (năm 2010) xuống còn 22% (năm 2012); dịch vụ tăng từ 39% (năm 2010) lên 40% (năm 2012); nông, lâm, thủy sản chưa có sự chuyển dịch so với năm 2010 (38%); *(NQ đến năm 2015: 27%-39%-34%).*

3. Tổng sản lượng lương thực năm 2011: 101.015 tấn, năm 2012: 101.670 tấn và 6 tháng đầu năm 2013: 54.585 tấn *(NQ ổn định lương thực đến năm 2015: 100.000 tấn/năm).*

4. Thu nhập bình quân đầu người năm 2012 đạt 24,5 triệu đồng, tăng 6,7 triệu đồng so với năm 2010 *(NQ đến năm 2015: 35-37 triệu đồng).*

5. Thu ngân sách hoàn thành kế hoạch tỉnh giao và tăng bình quân hàng năm 25,87% *(NQ tăng 10%).*

6. Tỷ lệ đô thị hóa 35% *(NQ đến 2015: 37%).* Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh 92,5% *(NQ đến năm 2015: 95%).*

7. Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia: Tiểu học 73,3% *(NQ 90%),* THCS 85,7% *(NQ 90%)* và THPT 25% *(50%);* 100% trường học đạt chuẩn "Trường học thân thiện, học sinh tích cực" *(NQ 100%).*

8. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2011 là 9,09% theo tiêu chí mới; năm 2012 giảm còn 5,92% *(NQ bình quân mỗi năm giảm 1%)* .

9. Tỷ suất sinh thô hàng năm tăng bình quân 0,79‰ *(NQ giảm 0,15‰).* Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 14,99% *(NQ còn 15%).* Duy trì 13/13 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế *(NQ 13/13 xã, thị trấn).*

10. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội. Tỷ lệ thanh niên nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Phát triển kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng

1.1. Phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn

Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (theo giá so sánh 1994) bình quân hàng năm tăng 5,2% (NQ 5%); *trong đó:* nông nghiệp tăng 5,5%/năm (NQ 5%); lâm nghiệp tăng 9,2%/năm (NQ 6%); thủy sản tăng 5,2%/năm (NQ 4,8%). Cơ cấu kinh tế nội bộ ngành nông nghiệp (theo giá thực tế) có chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng trồng trọt (từ 50,5% năm 2010 giảm còn 45,3 năm 2012), tăng dần tỷ trọng chăn nuôi (từ 46,3% năm 2010 lên 51,3% năm 2012) và dịch vụ nông nghiệp (tăng từ 3,2% năm 2010 lên 3,4% năm 2012).

Về trồng trọt, đã tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, ổn định diện tích sản xuất lúa đã chuyển đổi từ 03 vụ sang 02 vụ/năm (6.628 ha); công tác nhân, đưa giống mới có năng suất cao vào sản xuất được chú trọng, tỷ lệ giống xác nhận, giống kỹ thuật và lúa lai đạt trên 95% diện tích (NQ đến năm 2015- 97%), riêng diện tích sản xuất giống tập trung năm 2013 là 664,3 ha tăng 94,52% so năm 2010 (NQ đến năm 2015- 300 ha). Nhiều mô hình khuyến nông, các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, mùa vụ, kiên cố hóa kênh mương, miễn giảm thủy lợi phí,... đã được triển khai thực hiện đạt hiệu quả, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, nhất là mô hình xây dựng cánh đồng mẫu lớn đã được nhân rộng, năng suất lúa bình quân đạt đạt 76,8 tạ/ha tăng 9,3 tạ/ha so năng suất bình quân chung của huyện. Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất, thu hoạch được quan tâm chỉ đạo thực hiện và ngày càng được ứng dụng rộng rãi góp phần giảm chi phí trong sản xuất, nhất là quy trình thâm canh cây lúa "3 giảm - 3 tăng" kết hợp với công cụ sạ hàng đã giảm chi phí 1,5 triệu đồng/ha. Công tác dự báo và phòng trừ sâu bệnh được thực hiện thường xuyên và nghiêm ngặt, bảo vệ cây trồng sinh trưởng tốt.

Về ***chăn nuôi, thú y***, công tác chỉ đạo khôi phục và phát triển chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm được chỉ đạo chặt chẽ, quyết liệt, không để tái phát, lây lan dịch bệnh, nhờ đó chăn nuôi tiếp tục phát triển. Tính đến thời điểm 01/4/2013 so với thời điểm 01/10/2010, tổng đàn trâu: 1.153 con (NQ đến năm 2015- 1.100 con), tăng 5,59%; tổng đàn bò: 14.571 con (NQ đến năm 2015- 20.000 con), giảm 9,62%, tỷ lệ bò lai trong tổng đàn đạt 70% (NQ đến năm 2015- 75%), giảm 2,9%; tổng đàn lợn: 47.596 con (NQ đến năm 2015- 75.000 con), tăng 3,7%; tổng đàn gia cầm: 1.368.100 con (NQ đến năm 2015- 1.350.000 con), tăng 19,58%.

Về ***thủy sản - diêm nghiệp,*** tập trung chỉ đạo phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, giảm diện tích nuôi bán thâm canh, tăng diện tích nuôi quản canh cải tiến, đa dạng các phương thức nuôi gắn với bảo vệ môi trường; dịch bệnh tôm giảm mạnh, ổn định được hiệu quả kinh tế, giảm thua lỗ do dịch bệnh; năm 2012, năng suất tôm là 1.041,3kg/ha (năm 2010 là 883,6 kg/ha), sản lượng 1.009,1 tấn (năm 2010 là 859 tấn); sản lượng đánh bắt 3.293,4 tấn (năm 2010 là 3.055 tấn). Diện tích đưa vào sản xuất muối 13,3 ha (NQ 27 ha); trong đó, diện tích áp dụng mô hình trải bạt 5,3 ha; sản lượng muối năm 2013 đạt 412 tấn, giảm 21,37% (112 tấn) so năm 2010. Công tác phòng, chống xung điện xiết máy trên đầm Thị Nại được tăng cường.

Về ***lâm nghiệp,*** tổng diện tích rừng đã trồng 1.151,47 ha, trong đó trồng rừng theo dự án WB_3 là 1.026,47 ha, đạt 97,2% so với kế hoạch đến 2015 (1.056 ha). Công tác hướng dẫn chăm sóc rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc và công tác phòng chống cháy rừng được tập trung. Hoàn thành công tác quy hoạch bảo vệ rừng và phát triển rừng đến năm 2020.

Về ***xây dựng nông thôn mới,*** hoàn thành việc phê duyệt Đồ án, Đề án quy hoạch xây dựng Nông thôn mới cho 11/11 xã, đến nay xã Phước Hưng và Phước Nghĩa (giai đoạn 2011-2015) đã đạt được 12/19 tiêu chí.

1.2. Phát triển kinh tế công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 1994) tăng bình quân hàng năm 12,6% (NQ 20,6%); mặc dù không đạt chỉ tiêu nhưng đã thể hiện sự nỗ lực rất lớn của các doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế khó khăn chung của tỉnh và cả nước. Huyện đã tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Phước An giai đoạn 2 (diện tích 23,2 ha) và xây dựng phương án kêu gọi đầu tư để thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất, đến nay đã kêu gọi được 03 dự án đầu tư với diện tích 10 ha. Chú trọng triển khai các giải pháp khuyến khích để thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, đã có thêm 84 cơ sở và 23 doanh nghiệp được thành lập, nâng tổng số cơ sở, doanh nghiệp đang hoạt động 2.545 cơ sở. Giá trị sản xuất công nghiệp tại Cụm công nghiệp Phước An giai đoạn 1 chiếm tỷ trọng từ 16-20% / tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện, giải quyết việc làm hơn 1.500 lao động. Tiếp tục hỗ trợ và duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh 04 làng nghề truyền thống. Đã hoàn thành việc bàn giao lưới điện hạ áp nông thôn cho ngành điện quản lý theo đúng tiến độ, phối hợp triển khai thực hiện hoàn thành dự án năng lượng nông thôn RE II giai đoạn 2 và dự án nâng cao hiệu quả năng lượng khu vực nông thôn giai đoạn 1.

1.3. Phát triển thương mại, dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ có bước phát triển khá và đa dạng. Giá trị sản xuất thương mại và dịch vụ (theo giá so sánh 1994) tăng bình quân hàng năm 13,2% (NQ 15%). Đã tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển các khu đô thị tại thị trấn Tuy Phước và Diêu Trì, một số chợ ở nông thôn được đầu tư nâng cấp mở rộng và đưa vào sử dụng góp phần quan trọng vào việc phát triển thương mại, dịch vụ ở nông thôn; đang triển khai thi công xây dựng chợ mới Diêu Trì và chợ Phước Sơn. Các loại hình kinh doanh, thương mại, dịch vụ, bưu chính... tiếp tục mở rộng và phát triển, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân; hiện nay toàn huyện có 8.681 doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, tăng 2.077 cơ sở so với năm 2010. Công tác đưa hàng Việt về cơ sở và kiểm tra kiểm soát thị trường, phòng chống gian lận thương mại được quan tâm chỉ đạo thực hiện đảm bảo nhu cầu mua sắm hàng hóa của nhân dân.

1.4. Phát triển kết cấu hạ tầng, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật

Đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ cho việc công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đổi mới bộ mặt đô thị, nông thôn và phục vụ nhu cầu dân sinh. Huyện đã tranh thủ tối đa các nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương và tỉnh, kết hợp với nguồn vốn ngân sách huyện, xã- thị trấn và lồng ghép với các nguồn vốn khác triển khai thực hiện 138/195 danh mục đầu tư theo kế hoạch và 51 danh mục phát sinh mới, với tổng vốn đầu tư đã thực hiện 634.563 triệu đồng đạt 60%, trong đó vốn ngân sách huyện 138.915 triệu đồng đạt 49,1%. Đã tập trung đầu tư xây dựng các công trình thuỷ lợi, hồ chứa, đê điều, công trình cấp nước sạch sinh hoạt phục vụ sản xuất, đời sống dân sinh và phòng chống lụt bão; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Phước An giai đoạn 2 và hỗ trợ phát triển các làng nghề truyền thống; đầu tư nâng cấp các tuyến giao thông và xây dựng mới hệ thống cầu giao thông liên xã; thực hiện bê tông xi măng giao thông nông thôn 38,34 Km (NQ 80Km); kiên cố hoá kênh mương 16,25 Km (NQ 36 Km). Thường xuyên tôn tạo và nâng cấp sửa chữa các công trình văn hóa, nghĩa trang liệt sĩ, xây dựng nhà lưu niệm chi bộ ĐêPô Diêu Trì. Thực hiện chương trình kiên cố hóa trường học, đã sửa chữa 78 phòng học, xây dựng thêm 48 phòng học, 01 nhà hiệu bộ, 04 phòng học bộ môn phục vụ nhu cầu dạy và học; đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất Trung tâm Y tế huyện và Trạm Y tế các xã - thị trấn đáp ứng kịp thời công tác khám chữa bệnh cho nhân dân. Hỗ trợ xây dựng mới trụ sở chỉ huy và nhà ăn cơ quan Quân sự huyện; hỗ trợ xây dựng, sửa chữa một số trụ sở làm việc của UBND xã- thị trấn đã xuống cấp. Đầu tư xây dựng các công trình công cộng, kiến thiết thị chính phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, giải trí của nhân dân. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện, khoa học về hạ tầng thông tin, internet, công nghệ phần mềm trong quản lý hành chính nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Đang triển khai thi công xây dựng một số công trình trọng điểm như: Đường vành đai phía Đông Bắc thị trấn Tuy Phước, Sân vận động, chợ Phước Sơn, chợ Diêu Trì,...và phối hợp với các ngành của tỉnh triển khai dự án nâng cấp Quốc lộ 1A, xây dựng Quốc lộ 19 mới.

Tập trung triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng các khu trước nhà mày xi măng Diêu Trì, cơ sở hạ tầng khu chợ Diêu Trì, quy hoạch xây dựng các điểm dân cư xen lẫn trong khu dân cư, ...; điều chỉnh quy hoạch tổng thể thị trấn Tuy Phước, Trung tâm xã Phước Sơn. Đã lập thủ tục trình thẩm định, phê duyệt Đồ án quy hoạch trung tâm xã Phước Hoà và xã Phước Lộc định hướng phát triển lên đô thị loại V. Phối hợp triển khai xây dựng và hoàn thành đưa vào sử dụng Tiểu dự án 2 - dự án nước Phước Sơn và dự án mở rộng nước sạch 3 xã Đông Bắc huyện Tuy Phước, cung cấp nước sạch cho 7.037 hộ, đạt 67% so tổng số hộ dân thuộc khu vực được sử dụng nước sạch; nâng tổng số hộ sử dụng nước sạch của 3 nhà máy 10.385 hộ. Tỷ lệ hộ dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh trên địa bàn huyện đạt 92,5%, riêng 04 xã khu Đông đạt gần 90%.

1.5. Về tài chính, ngân sách, tín dụng

Thu ngân sách trong 2,5 năm qua đạt kết quả khá, việc tổ chức khai thác và quản lý các nguồn thu ngân sách đạt hiệu quả, tổng nguồn thu qua các năm đều vượt kế hoạch của tỉnh và huyện, tỷ lệ tăng bình quân hàng năm 25,87% (NQ 10%/năm). Năm 2012 tổng thu ngân sách đạt 85.935 triệu đồng, tăng 31.696 triệu đồng so với năm 2010 (chưa tính tiền sử dụng đất). Chi ngân sách huyện qua các năm đều vượt kế hoạch, tỷ lệ tăng bình quân hàng năm 38,7% (NQ 11%/năm); *trong đó:* tăng chi bình quân đầu tư phát triển đạt 9,1%, tăng chi bình quân chi thường xuyên đạt 53%. Năm 2012 thực hiện chi ngân sách 362.320 triệu đồng, tăng 174.079 triệu đồng so với năm 2010. Chi ngân sách đảm bảo đúng Luật Ngân sách, chế độ chi hiện hành, dự toán giao hàng năm và các khoản chi phát sinh búc xúc khác.

Hoạt động tín dụng ngân hàng nông nghiệp tiếp tục phát triển, thực hiện tốt vai trò huy động vốn và cho vay vốn đầu tư phát triển, sản xuất nông nghiệp nông thôn đáp ứng nhu cầu vốn cho các thành phần kinh tế và nông dân trên địa bàn. Doanh số cho vay hàng năm tăng cao, số dư nợ tín dụng ngân hàng đến 30/6/2013 đạt 316 tỷ đồng, tăng 4,98% so với cuối năm 2010. Hoạt động của 7 Quỹ tín dụng nhân dân có sự phát triển đáng kể, giải quyết nhu cầu vốn cho các thành viên đầu tư phát triển kinh doanh; tổng số thành viên tăng 4,28%, vốn điều lệ tăng 35,29% và doanh số cho vay tăng 28,51% so với năm 2010.

1.6. Về tài nguyên, môi trường

Công tác quản lý nhà nước về đất đai được tăng cường, có nhiều chuyển biến tích cực và đã giải quyết, xử lý tháo gỡ được một số vấn đề tồn tại. Công tác lập quy hoạch kế hoạch và thực hiện kế hoạch sử dụng đất có tiến bộ về tiến độ; công tác cho thuê đất, thu hồi đất thực hiện chặt chẽ về thủ tục, đúng pháp luật cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đã tổ chức đấu giá QSD đất 241.695 m^2, xét giao đất ở 61.440 m^2, cho tổ chức, hộ gia đình thuê 150.351 m^2,... Đã hoàn thành cơ bản việc cấp giấy chứng nhận QSD đất theo dự án VLAP, đến nay đã giao cho nhân dân được 58.205 giấy/106.108 giấy đã ký. Chỉ đạo xử lý, cưỡng chế tháo dỡ dứt điểm 124 trường hợp chiếm đất mặt nước để nuôi trồng thủy sản trái phép trên đầm Thị Nại, với diện tích 165,80ha.

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản và môi trường được tập trung thông qua các hoạt động thanh tra, kiểm tra và ký xác nhận các bản

cam kết môi trường, đề án bảo vệ môi trường; đã kiểm tra, xác nhận 83 bản cam kết, phê duyệt 25 đề án và 04 dự án cải tạo phục hồi môi trường. Đã mua mới 02 xe ép rác chuyên dùng, mở rộng địa bàn thu gom đến các xã phía Đông Bắc huyện, đến nay có 6.626 hộ gia đình, tổ chức ký kết hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt, giải quyết cơ bản tình trạng tồn đọng, ứ rác thải gây ô nhiễm môi trường tại 02 thị trấn Tuy Phước và Diêu Trì.

1.7. Phát triển các thành phần kinh tế và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

Trong 2,5 năm qua, đã có thêm 27 doanh nghiệp, 2.183 cơ sở sản xuất, thương mại và dịch vụ được thành lập, nâng tổng số lên 11.413 cơ sở kinh doanh, sản xuất, thương mại dịch vụ trên địa bàn. Huyện đã huy động tốt mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, khuyến khích, tạo điều kiện về cơ chế tài chính, đất đai, thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng,... nhằm phát huy tính năng động của doanh nghiệp, mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới thiết bị công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Đã triển khai thực hiện sáp nhập từ 23 Hợp tác xã nông nghiệp (HTX NN) xuống còn 16 HTX NN; quá trình kinh doanh có 09 HTXNN kinh doanh có lãi, chiếm tỷ lệ 56%, đạt 64% so kế hoạch; tổng số vốn lưu động đến 30/6/2013 là 48,2 tỷ đồng, tăng 17,9 tỷ đồng so với năm 2010; tổng số nợ phải thu 13,8 tỷ đồng, chiếm 29,05% so vốn lưu động; tỷ lệ thu nợ phát sinh thu đạt trên 76% (KH trên 90%), nợ tồn đọng thu đạt 23,4% (KH trên 30%). Hoạt động của 02 HTX vận tải tiếp tục được duy trì, đáp ứng được nhu cầu vận tải hàng hoá và hành khách trên địa bàn.

2. Phát triển văn hóa - xã hội

2.1. Về giáo dục và đào tạo

Quy mô trường, lớp tiếp tục được củng cố và phát triển, đáp ứng nhu cầu học tập học sinh. Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp hàng năm đạt tỷ lệ 100%, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100%, tuyển sinh lớp 6 hàng năm đều đạt trên 99% (NQ 100%). Chất lượng giáo dục đại trà được giữ vững và từng bước được nâng cao; chất lượng giáo dục toàn diện chuyển biến theo chiều hướng tích cực; nề nếp kỷ cương trong dạy và học, trong kiểm tra đánh giá ngày một nghiêm túc hơn. Công tác phổ cập GDTH đúng độ tuổi và phổ cập THCS được duy trì, tỷ lệ phổ cập ngày càng cao. Tỷ lệ xét hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm đều đạt tỉ lệ 100%, xét tốt nghiệp THCS hàng năm đạt trên 99%. Các điều kiện phục vụ cho việc dạy và học được tăng cường; đội ngũ giáo tăng về số lượng và được nâng chuẩn về trình độ; công tác quản lý giáo dục có tiến bộ ở một số lĩnh vực, đã ngăn chặn và đẩy lùi kịp thời những biểu hiện tiêu cực, thiếu kỷ cương trong giáo dục. Toàn huyện có 35/62 trường đạt chuẩn Quốc gia, *trong đó:* Tiểu học: 22 trường, đạt 73,3% (NQ 90%); THCS: 12 trường, đạt 85,7% (NQ 90%), THPT: 1 trường, đạt 25% (NQ 50%); 100% trường học đạt tiêu chuẩn "Trường học thân thiện, học sinh tích cực". Công tác khuyến học, khuyến tài ngày càng được các cấp quan tâm và đẩy mạnh, góp phần động viên phong trào dạy và học cho giáo viên và học sinh, tác động làm giảm thiểu số lượng và tỷ lệ học sinh bỏ

học giữa chừng hàng năm. Tỷ lệ nghỉ học giữa chừng đến cuối năm học 2012-2013 là 0.48%, giảm 0.25% so với năm học 2010-2011. Hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng từng bước có hiệu quả; công tác xã hội hóa giáo dục không ngừng được nâng cao, góp phần đưa chất lượng giáo dục toàn diện đi lên. Duy trì tốt số lượng học sinh học nghề phổ thông, tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm đạt trên 95% (đạt chỉ tiêu NQ)

2.2. Về y tế, dân số – kế hoạch hóa gia đình (KHHGD)

Công tác chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được quan tâm chỉ đạo thực hiện; các biện pháp phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, nhất là dịch bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết,... được khống chế kịp thời, không có dịch lớn xảy ra. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được đầu tư nâng cấp với tổng kinh phí hơn 6.644 triệu đồng. Chất lượng khám, chữa bệnh chuyển biến khá ở cả tuyến huyện và xã, đã thực hiện khám chữa bệnh cho 579.825 lượt người, trong đó tuyến huyện 288.188 lượt người; tỷ lệ sử dụng gường bệnh hàng năm đạt trên 150 % KH, tỷ lệ bình quân khám chữa bệnh đạt 1,7 lần/người/năm. Có 100% Trạm Y tế có bác sĩ; 69,2% Trạm Y tế có bác sĩ tại chỗ (NQ phấn đấu đến năm 2015 đạt 100%); duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế, đạt chỉ tiêu NQ; triển khai xây dựng được 03 xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng 14,99% (NQ còn 15%). Các hoạt động truyền thông về SKSS/KHHGĐ được duy trì thường xuyên, tỷ lệ cung cấp các biện pháp tránh thai hàng năm đạt trên 84%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên luôn ở mức dưới 0,9% (đạt NQ), tốc độ tăng dân số bình quân giai đoạn 2010-2012, đạt 0,33%; tỷ suất sinh thô hàng năm tăng bình quân 0,79‰ (NQ giảm 0,15‰); tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên năm 2012 chiếm 15,5%, giảm 2,4% so với năm 2010.

2.3. Về văn hóa, thông tin, thể thao, truyền thanh

Đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao đa dạng, phong phú, chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán. Công tác tổ chức các lễ hội truyền thống được chuẩn bị chu đáo, có chuyển biến về chất lượng. Công tác trùng tu, tôn tạo, mở rộng khuôn viên một số di tích lịch sử và phục dựng các nghi thức lễ dân gian của các lễ hội truyền thống trên địa bàn huyện được quan tâm chỉ đạo. Triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng Nhà lưu niệm Chi bộ Đề pô Diêu Trì - di tích lịch sử cấp tỉnh. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục có bước phát triển, chất lượng các danh hiệu văn hóa được nâng lên, đến cuối năm 2012, gia đình văn hóa đạt 94,55% (NQ 95% trở lên), thôn văn hóa đạt 71,28% (NQ 70% trở lên), 95,55% cơ quan, đơn vị, trường học đạt đơn vị văn hóa (NQ 85% trở lên) và đang triển khai xây dựng 3 xã, thị trấn đạt danh hiệu xã, thị trấn văn hóa. Công tác kiểm tra các cơ sở hoạt động dịch vụ văn hóa, thông tin, thể thao được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Phong trào thể dục thể thao được duy trì và phát triển, người tập thể thao thường xuyên đạt 27,3% dân số, gia đình thể thao đạt 23,4% so tổng số hộ. Đã xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống, ngăn chặn bạo lực gia đình, nâng cao bình đẳng giới.

Hoạt động thông tin truyền thanh từ huyện đến cơ sở và Trang thông tin

điện tử của huyện được tăng cường, nội dung các chương trình, chuyên mục ngày càng phong phú, đáp ứng nhu cầu thông tin của các tầng lớp nhân dân. Đã triển khai đầu tư nâng cấp hệ thống Đài truyền thanh cơ sở theo Đề án 02 của Huyện ủy với số tiền 1.768,7 triệu đồng. Tỷ lệ người dân nghe đài 4 cấp đạt 85%, số lượng người truy cập trên Trang thông tin điện tử huyện hơn 614.000 lượt.

2.4. Về thực hiện chính sách xã hội, giải quyết việc làm

Công tác thực hiện chính sách ưu đãi người có công được thực hiện tích cực, đúng quy định. Đã chi trả cho 1.650 lượt đối tượng người có công với hơn 64.100 triệu đồng; thực hiện điều dưỡng cho 1.602 người có công; tu sửa, nâng cấp 10 nghĩa trang liệt sỹ với tổng kinh phí trên 4.000 triệu đồng; cấp thẻ BHYT cho 4.689 người có công, 15.402 đối tượng bảo trợ xã hội, 25.964 người nghèo, 10.868 trẻ em dưới 6 tuổi,...

Các Chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm được triển khai thực hiện đồng bộ, đã phối hợp tổ chức dạy nghề ngắn hạn cho 3.932 học viên, tập huấn và chuyển giao khoa học kỹ thuật cho 27.108 người tham gia, góp phần giải quyết việc làm cho hơn 4.300 lao động; thực hiện cho vay ưu đãi đối với 10.988 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác thông qua Ngân hàng CSXH huyện, với tổng dư nợ 209.661 triệu đồng, tăng 25,7% so với năm 2010 (trong đó hộ nghèo chiếm 60.571 triệu đồng, tăng 0,79%). Đến nay, đã có 2.205 hộ thoát nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 5,92%, giảm 3,17% so với năm 2011.

Các chương trình, chính sách xã hội tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện, đã trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng cho gần 7.000 lượt đối tượng với số tiền trên 23.300 triệu đồng. Hỗ trợ sửa chữa, xây dựng nhà ở đơn sơ hộ nghèo cho 56 hộ, với tổng kinh phí 1.232 triệu đồng. Các hoạt động bảo vệ và chăm sóc trẻ em được duy trì thường xuyên, nhất là trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tổ chức các đợt hiến máu tình nguyện tập trung, thu về 1.681 đơn vị máu, hàng năm đạt trên 73 % KH tỉnh giao. Triển khai BHYT toàn dân đạt 60% dân số.

3. Xây dựng chính quyền, quốc phòng - an ninh

3.1. Về xây dựng chính quyền

Tổ chức thành công cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XIII, bầu cử Đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2011-2016 trên địa bàn huyện. Bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở được củng cố, kiện toàn; hiệu lực, hiệu quả hoạt động có bước tiến bộ. Tiếp tục thực hiện việc thí điểm Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch UBND tại thị trấn Diêu Trì. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ về trình độ học vấn, chuyên môn, lý luận chính trị được chú trọng; đội ngũ cán bộ, công chức cấp huyện đã qua đào tạo chuyên môn đạt tỷ lệ 95%, cấp xã, thị trấn đạt chuẩn trên 90%. Công tác cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế "một cửa" được quan tâm chỉ đạo và duy trì thường xuyên, 100% cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn thực hiện cơ chế "một cửa" và đạt được một số kết quả tích cực, tạo được sự chuyển biến cơ bản trong quan hệ giữa nhà nước và tổ chức, công dân. Công tác tiếp xúc cử tri, tiếp nhận và trả lời ý kiến cử tri được duy trì thường xuyên. Triển khai xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 tại UBND huyện.

Công tác tiếp dân ở các cấp được duy trì; công tác rà soát, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo được chú trọng, nhất là các vụ khiếu kiện đông người, phức tạp, tồn tại kéo dài; đã tiếp nhận, giải quyết 27/28 vụ khiếu nại và 13/13 vụ tố cáo. Công tác thanh tra, kiểm tra gắn với công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên nhiều lĩnh vực được tăng cường, qua thanh tra đã kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 550,756 triệu đồng. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật có nhiều chuyển biến tốt; đã tổ chức lấy ý kiến nhân dân về góp ý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 và Luật Đất đai sửa đổi. Công tác hòa giải cơ sở có tiến bộ và hiệu quả hơn. Công tác thi hành án dân sự đạt kết quả khá.

3.2. Về quốc phòng, an ninh

Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Công tác huấn luyện và diễn tập quân sự được duy trì và thực hiện theo kế hoạch, đã tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ "PT 12" cấp huyện đạt kết quả khá tốt. Công tác xây dựng lực lượng vũ trang được quan tâm hơn. Lực lượng dân quân tự vệ được củng cố về số lượng và nâng cao về chất lượng; lực lượng dự bị động viên được tăng thêm số lượng, công tác đăng ký, quản lý ngày càng chặt chẽ hơn. Công tác gọi thanh niên nhập ngũ hàng năm đều đạt chỉ tiêu tỉnh giao, chất lượng ngày được nâng lên. Công tác chính sách hậu phương quân đội được quan tâm và duy trì thường xuyên. Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc được chú trọng triển khai thực hiện có kết quả. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được tăng cường; đã tổ chức nhiều đợt cao điểm ra quân tấn công, trấn áp các loại tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội và kiềm chế tai nạn giao thông. An ninh nông thôn và an ninh tôn giáo được tăng cường góp phần giữ vững, ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Từ những kết quả nêu trên, có thể đánh giá chung là: ***Qua 2,5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XX, nền kinh tế của huyện tiếp tục tăng trưởng và phát triển, thu ngân sách đạt khá, các lĩnh vực kinh tế trọng yếu đều tăng trưởng; các hoạt động trên lĩnh vực văn hoá xã hội tiếp tục có bước tiến bộ, các vấn đề an sinh xã hội được giải quyết kịp thời, đời sống nhân dân ổn định và ngày càng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được tập trung và có chuyển biến tốt, bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở tiếp tục được củng cố, kiện toàn; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được tăng cường.***

IV. NHỮNG HẠN CHẾ, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện trong 2,5 năm qua vẫn còn những tồn tại, hạn chế đó là:

1. Nền kinh tế của huyện tuy tăng trưởng nhưng chưa bền vững; tốc độ tăng trưởng kinh tế một số ngành còn đạt thấp so với chỉ tiêu đề ra; cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm. Công nghiệp phát triển nhưng quy mô nhỏ chưa thu hút được các doanh nghiệp đầu tư quy mô lớn vào địa bàn; công tác thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp Phước An giai đoạn 2 gặp nhiều khó khăn, bất cập.

Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng một số dự án còn chậm, lúng túng gây khó khăn cho việc triển khai thi công xây dựng. Công tác hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư, triển khai thi công xây dựng một số công trình trọng điểm chưa đảm bảo tiến độ và kế hoạch đề ra. Công tác chỉnh trang đô thị chưa đáp ứng yêu cầu, hạ tầng đô thị còn nhiều vấn đề bức xúc.

2. Sản xuất nông nghiệp chưa gắn liền với công nghiệp chế biến; đầu ra sản phẩm còn bấp bênh trong khi chi phí đầu vào tăng cao, dịch bệnh vật nuôi còn tiềm ẩn và diễn biến phức tạp nên chưa khuyến khích phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm; chỉ tiêu phát triển chăn nuôi đàn bò và diện tích sản xuất lúa lai, sản xuất muối đạt thấp; hiệu quả hoạt động của các HTX NN chưa có chuyển biến mạnh, dịch vụ ở một số HTX NN thu hẹp; một số Quỹ tín dụng nhân dân tỷ lệ nợ xấu còn cao. Một số nguồn thu vào ngân sách thiếu ổn định, tỷ lệ nợ đọng thuế hàng năm vẫn còn chiếm tỷ lệ cao. Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm, xử lý các trường hợp lấn chiếm đất đai, đất được giao trái thẩm quyền, thu tiền trái quy định còn chậm; công tác cấp giấy chứng nhận QSD đất thực hiện theo dự án VLAP chưa đạt yêu cầu; tình trạng khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép vẫn còn xảy ra.

3. Chất lượng giáo dục toàn diện chưa đồng bộ giữa các vùng, số lượng học sinh bỏ học còn cao ở cấp THPT, công tác phổ cập giáo dục bậc trung học gặp nhiều khó khăn. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ở một số địa phương chưa có chuyển biến về chất lượng, việc trùng tu, tôn tạo một số di tích lịch sử văn hóa chậm; công tác bảo tồn phát huy các di sản văn hóa chưa được khai thác và phát huy hiệu quả, đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa thể thao ở huyện và cơ sở chưa đạt yêu cầu theo quy hoạch. Chất lượng khám, chữa bệnh ở tuyến cơ sở nhiều mặt còn hạn chế; tình trạng quá tải bệnh viện vẫn còn xảy ra; quản lý hành nghề y dược và hoạt động khám, chữa bệnh tư nhân chưa chặt chẽ; tỷ lệ trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ tại chỗ đạt thấp; tỷ suất sinh thô hàng năm tăng. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, nhưng thiếu bền vững; công tác đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế; công tác tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài gặp nhiều khó khăn.

4. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, tiềm lực trong khu vực phòng thủ có mặt còn hạn chế; công tác giáo dục quốc phòng toàn dân chưa sâu rộng; lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, công an xã có nơi còn yếu. Trật tự an toàn xã hội có mặt diễn biến phức tạp, một số loại tội phạm hình sự có chiều hướng gia tăng, đối tượng vi phạm pháp luật trong lứa tuổi thanh thiếu niên chiếm tỷ lệ cao; tai nạn giao thông được kiềm chế nhưng chưa vững chắc; an ninh nông thôn tuyến ven biển còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định. Tình trạng đơn thư vượt cấp, khiếu kiện đông người còn xảy ra; giải quyết yêu cầu, kiến nghị qua tiếp dân và thực hiện kết luận, quyết định sau thanh tra của các địa phương và một số ngành, ở một số vụ việc còn kéo dài. Công tác cải cách thủ tục hành chính tuy có chuyển biến nhưng chưa đáp ứng yêu cầu; kỷ cương, kỷ luật hành chính có một số biểu hiện chưa nghiêm.

* ***Nguyên nhân tồn tại***

- *Về khách quan*: Do suy thoái của nền kinh tế thế giới tác động mạnh đến

nền kinh tế nước ta nên khó khăn về kinh tế chung của cả nước, chính sách cắt giảm đầu tư công, giãn thuế, chi phí đầu vào của sản xuất tăng cao trong khi thị trường bị thu hẹp, giá cả đầu ra thấp cộng với sự xiết chặt tín dụng, ... đã gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp và đời sống nhân dân trong huyện.

- *Về chủ quan:* Trong chỉ đạo, điều hành của UBND huyện vẫn còn một số lĩnh vực chưa được tập trung đúng mức. Việc triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành còn thiếu chủ động, chưa đồng bộ; sự phối kết hợp chưa chặt chẽ; năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ trên một số lĩnh vực của một số lãnh đạo các ngành, địa phương còn yếu, thụ động, lúng túng. Tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ công chức, người đứng đầu một số ngành, địa phương trong việc thực thi nhiệm vụ chưa cao; chỉ đạo xử lý một số vấn đề tồn tại, yếu kém chưa tập trung, thiếu kiên quyết.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỪ NAY ĐẾN NĂM 2015

Dự kiến trong thời gian từ nay đến năm 2015, tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn diễn biến bất lợi, phục hội chậm; thời tiết diễn biến bất thường, an ninh trật tự xã hội, đặc biệt là an ninh nông thôn vẫn còn tiềm ẩn phức tạp nên sẽ đã tác động đến tình hình phát triển kinh tế- xã hội và đời sống của nhân dân trên địa bàn huyện. Vì vậy, nhiệm vụ từ nay đến năm 2015 là rất nặng nề, có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu mà NQ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX đã đề ra; do đó yêu cầu các ngành, các địa phương, đơn vị cần tập trung tiếp tục quán triệt nội dung NQ, rà soát, cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm mà UBND huyện đã ban hành, đẩy mạnh triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án đã được phê duyệt và những phát sinh khác nhằm chỉ đạo thúc đẩy sản xuất kinh doanh, ngăn chặn sự suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, trong đó cần tập trung chú trọng chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG

1. Về phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện; tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ; tăng cường công tác dự tính, dự báo, phòng chống sâu bệnh hại cây trồng, vật nuôi gắn với bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; ứng dụng nhanh các tiến bộ kỹ thuật, các mô hình sản xuất tiên tiến hiệu quả cao ra sản xuất đại trà, phấn đấu sản xuất hết diện tích và thực hiện đạt kết quả cao trong từng vụ, từng năm kế hoạch.

Về ***trồng trọt,*** đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng mùa vụ; tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn nông dân đầu tư thâm canh cây trồng; đẩy mạnh sản xuất lúa lai, ngô lai và các cây nguyên liệu phục vụ chế biến; tiếp tục thực hiện chuyển đổi diện tích sản xuất 3 vụ lúa/năm kém hiệu quả sang sản xuất 2 vụ lúa/năm ở các vùng có điều kiện còn lại. Tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc cơ cấu giống và lịch thời vụ; cung ứng giống cây trồng đảm bảo chất lượng theo cơ cấu

giống của tỉnh. Duy trì và mở rộng mô hình cánh đồng mẫu lớn, thực hiện một cách đồng bộ quy trình kỹ thuật "3 giảm 3 tăng". Ổn định diện tích sản xuất giống tập trung 300ha. Tiếp tục tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy hoạch, xây dựng và nhân rộng các mô hình chuyển đổi, chú trọng các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao. Tăng cường kiểm tra phát hiện kịp thời sâu bệnh, hướng dẫn nông dân phòng trừ kịp thời và mở rộng biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp IPM đảm bảo an toàn cho sản xuất nông nghiệp.

Về ***chăn nuôi***, phát triển mạnh chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại gắn với quy hoạch các vùng chăn nuôi tập trung. Đẩy mạnh lai tạo đàn bò, nạc hóa đàn heo, phát triển đàn gia cầm; tiếp nhận và đưa các tiến bộ khoa học vào chăn nuôi, mở rộng mô hình vỗ béo bò, chăn nuôi bò thịt có năng suất cao, chăn nuôi heo thâm canh. Tập trung tổ chức tiêm phòng lở mồm long móng ở gia súc và gia cầm, phấn đấu tỷ lệ tiêm phòng lở mồm long móng đàn trâu, bò đạt 85% và cúm gia cầm đạt 90% trở lên. Tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ gia súc và công tác giám sát dịch bệnh.

Về ***lâm nghiệp,*** tiếp tục triển khai trồng rừng và chăm sóc rừng tập trung theo chương trình dự án WB_3 tại 02 xã.Phước An và Phước Thành; phát triển trồng cây phân tán đất trống đồi núi trọc và trồng rừng ngập mặn phân tán dọc theo các hồ nuôi trồng thủy sản để bảo vệ môi trường sinh thái; tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng; quản lý giống cây lâm nghiệp tại các vườn ươm trên địa bàn đảm bảo chất lượng để phục vụ trồng rừng.

Về ***thủy sản – diêm nghiệp,*** đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng ổn định, bền vững; tăng cường công tác tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và thực hiện các mô hình khuyến ngư hiệu quả kinh tế cao, có khả năng nhân rộng; xây dựng nhiều mô hình nuôi quảng canh cải tiến tổng hợp tôm - cua - cá và các đối tượng thủy sản khác. Kiểm tra, hướng dẫn ngư dân thực hiện quản lý môi trường nuôi, chăm sóc, phòng ngừa dịch bệnh cho tôm nuôi. Tăng cường các biện pháp ngăn chặn có hiệu quả việc sử dụng kích điện đánh bắt thủy sản ở mặt nước tự nhiên, nhất là trên đầm Thị Nại. Tiếp tục vận động diêm dân sản xuất muối theo mô hình trải bạt ở ô kết tinh và ổn định diện tích sản xuất muối 27 ha; sản lượng muối đến năm 2015 đạt 2.000 tấn/năm.

Về ***xây dựng nông thôn mới,*** tiếp tục triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch, phấn đấu đến năm 2015 có 04 xã (Phước Nghĩa, Phước Hưng, Phước An, Phước Thành) đạt 19/19 tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, vượt 02 xã so với kế hoạch.

2. Về phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư kết cấu hạ tầng, tiếp tục triển khai các giải pháp kêu gọi, thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp Phước An giai đoạn 2, trong đó ưu tiên thu hút các dự án có quy mô lớn, không ô nhiễm môi trường, tạo bước chuyển dịch mạnh cơ cấu sản xuất công nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; phấn đấu đến cuối năm 2014 lấp đầy diện tích Cụm công nghiệp Phước An giai đoạn 2 nhằm đạt tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành công nghiệp bình quân 20,4%/năm (*trong đó, công nghiệp 20%*). Thực hiện tốt công tác khuyến công, phát triển các làng nghề truyền thống và các cơ sở chế biến nhỏ ở nông thôn.

Phối hợp triển khai hoàn thành dự án nâng cao hiệu quả năng lượng khu vực nông thôn giai đoạn 2.

3. Về phát triển thương mại và dịch vụ

Huy động và khuyến khích các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế vào các dự án thương mại, dịch vụ. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, phát triển các khu đô thị, các chợ trong hệ thống quy hoạch được duyệt. Triển khai có hiệu quả các giải pháp bình ổn giá thị trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, kém chất lượng. Hỗ trợ, tạo điều kiện để mở rộng các loại hình kinh doanh thương mại, dịch vụ công cộng xã hội, dịch vụ bưu chính viễn thông, dịch vụ vận tải, dịch vụ nông nghiệp. Chú trọng phát triển các ngành thương mại, dịch vụ chất lượng cao, phấn đấu giá trị gia tăng bình quân 14,5%/năm và tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP đạt từ 39% trở lên vào năm 2015.

4. Về phát triển kết cấu hạ tầng, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật

Tập trung chỉ đạo thực hiện các quy hoạch chi tiết tại các khu chức năng thị trấn Tuy Phước, thị trấn Diêu Trì và Trung tâm các xã nhằm đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ phát triển đô thị đạt 37%. Hoàn thành việc xây dựng một số dự án trọng điểm của huyện như: Sân vận động và khu dân cư huyện, đường bao khu dân cư phía Đông Bắc thị trấn Tuy Phước, đường bao phía Đông Bắc Trung tâm xã Phước Hòa, chợ mới Diêu Trì, chợ Phước Sơn, chợ Gò Bồi -Phước Hoà và một số chợ loại 2 khác để tạo điều kiện cho việc phát triển thương mại và dịch vụ. Huy động các nguồn lực đầu tư hoàn chỉnh mạng lưới giao thông nông thôn, triển khai thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thuỷ sản gắn với chính sách hỗ trợ của tỉnh. Hỗ trợ xây dựng một số cầu giao thông liên thôn, sửa chữa, nâng cấp một số trụ sở làm việc của UBND xã, thị trấn để đảm bảo điều kiện làm việc. Đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi, dân sinh, kiến thiết thị chính phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, giải trí của nhân dân. Đầu tư kiên cố hóa trường lớp học, nhà hiệu bộ, nhà công vụ giáo viên, nhà trẻ theo kế hoạch.

Tiếp tục tranh thủ nguồn lực của Trung ương, tỉnh hỗ trợ để đầu tư một số công trình trọng điểm về giao thông, thuỷ lợi và dịch vụ phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội và phòng chống lụt bão, *trong đó:* tập trung gia cố đê sông Hà Thanh, sông Kôn, đê biển, đường cứu hộ, cứu nạn Phước Thuận - Phước Hoà; cầu tràn 15 và cầu tràn Huỳnh Mai – Phước Nghĩa; nâng cấp, mở rộng tỉnh lộ 640 đoạn ngã 3 Quốc lộ 1A đến cuối thị trấn Tuy Phước,....; đầu tư nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất cho Trung tâm Y tế huyện và các trạm y tế các xã, thị trấn. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện, khoa học về hạ tầng thông tin, internet, công nghệ phần mềm trong quản lý hành chính nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Tập trung nguồn lực để giải quyết vấn đề nước sạch và môi trường, phấn đấu đến năm 2015 có 95 % hộ dân khu Đông huyện được sử dụng nước sạch, nâng tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh toàn huyện 95%. Phối hợp triển khai thi công dự án nâng cấp Quốc lộ 1A và xây dựng Quốc lộ 19 mới theo chỉ đạo của tỉnh.

5. Về tài chính, ngân sách, tín dụng

Triển khai thực hiện tốt các giải pháp huy động các nguồn thu ngân sách, phấn đấu vượt chỉ tiêu thu ngân sách hàng năm và mức tăng thu 10%/năm. Chủ động khai thác, thu hút và nuôi dưỡng các nguồn thu; tăng cường quản lý, kinh doanh trên địa bàn để quản lý thu kịp thời, đúng quy định; tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách. Đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng của ngân hàng và các Quỹ tín dụng nhân dân. Thực hiện cho vay ưu đãi chính sách đúng mục đích, đối tượng và giải ngân trực tiếp đến đối tượng. Quản lý, giám sát chặt nhằm tăng cường hiệu quả các nguồn vốn vay.

6. Về tài nguyên môi trường

Tập trung thực hiện kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2015 đã được duyệt và thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 ở các xã, thị trấn; tổ chức xét giao đất ở đối với nhân dân, giao đất, cho thuê đất cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu; thực hiện chỉnh lý biến động đất đai kịp thời, thống kê, kiểm kê đất đai đúng quy định. Tăng cường kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm đất đai, đất giao không đúng thẩm quyền, thu tiền không đúng quy định; tăng cường thanh tra đất đai, thu hồi đất dự án không đầu tư hoặc sử dụng không hiệu quả. Đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận QSD đất ở lần đầu theo chủ trương của Chính phủ; tiếp tục triển khai mở rộng địa bàn thu gom rác thải theo đề án đã được phê duyệt. Tăng cường kiểm tra công tác khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

7. Về phát triển các thành phần kinh tế và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

Khuyến khích các thành phần kinh tế chủ động đầu tư, mở rộng quy mô và phát triển các loại hình kinh tế. Triển khai các giải pháp giúp các thành phần kinh tế hợp tác thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực kinh tế hợp tác, chú trọng việc quản lý chặt chẽ vốn quỹ. Kiểm tra, đôn đốc các HTX nông nghiệp thực hiện thu hồi nợ tồn đọng, phấn đấu mỗi năm thu nợ đạt 30% trở lên; nợ mới phát sinh năm sau thu đạt 90%, đến năm 2015 tỷ lệ nợ tồn đọng sơ với vốn lưu động còn 30%. Chú trọng công tác quản lý, củng cố hoạt động đối với 02 HTX vận tải.

II. PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÃ HỘI

1. Về giáo dục và đào tạo

Tăng cường công tác quản lý giáo dục và đào tạo, thực hiện có hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Củng cố đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác dạy và học. Huy động 100% số trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo, 6 tuổi vào lớp 1 và 100% học sinh hoàn thành chương trình bậc tiểu học vào lớp 6; duy trì phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập THCS; tiếp tục thực hiện phổ cập giáo dục bậc Trung học. Triển khai có hiệu quả các giải pháp giảm thiểu số lượng học sinh bỏ học, tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc

gia và "Trường học thân thiện, học sinh tích cực", thực hiện các Đề án của ngành giáo dục: Đề án chuyển đổi loại hình Trường Mẫu giáo bán công sang công lập trên địa bàn huyện, Đề án phổ cập giáo dục Mầm non trẻ 05 tuổi,...Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm Học tập cộng đồng, đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài; thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục. Triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề phổ thông, duy trì tỷ lệ tốt nghiệp nghề hàng năm đạt 95% trở lên.

2. Về Y tế, Dân số - KHHGĐ

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế; tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế ở cơ sở. Triển khai có hiệu quả công tác y tế dự phòng, chủ động phòng chống, kiểm soát dịch bệnh truyền nhiễm. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; duy trì thường xuyên công tác kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm và hoạt động hành nghề y dược tư nhân. Giữ vững 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; phấn đấu 100% trạm y tế có bác sỹ tại chỗ. Chú trọng triển khai xây dựng xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế và chương trình thôn sức khỏe, gia đình sức khỏe. Phấn đấu giữ tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng dưới 15%. Triển khai hiệu quả chương trình dân số KHHGĐ, chăm sóc sức khoẻ sinh sản; giảm tỷ suất sinh thô hàng năm 0,15%0, giữ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 0,9%; chú trọng vận động giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên.

3. Về Văn hóa, thông tin, thể thao và truyền thanh

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động của các dịch vụ văn hóa thông tin, thể thao. Triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền cổ động trực quan và tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân, các ngày lễ, hội lớn trong năm. Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; phấn đấu đến năm 2015, gia đình văn hóa đạt trên 95%, thôn văn hóa đạt trên 70%, cơ quan, đơn vị, trường học văn hóa đạt trên 85%, xã-thị trấn văn hóa đạt 40%. Tranh thủ nguồn lực để đầu tư, nâng cấp, tôn tạo và phát huy các di sản văn hóa, các di tích lịch sử đã được xếp hạng gắn với các tuyến du lịch của tỉnh; trong đó tập trung xây dựng hoàn chỉnh nhà tưởng niệm Xuân Diệu, nhà thờ và mộ Đào Tấn, khu chứng tích Nho Lâm (Phước Hưng), Tân Giản (Phước Hòa), Vinh Quang (Phước Sơn). Triển khai thực hiện việc nghiên cứu lịch sử "Tuy Phước hình thành và phát triển", khôi phục và phát huy một số loại hình nghệ thuật truyền thống, phục dựng các nghi thức lễ dân gian của các lễ hội truyền thống trên địa bàn huyện; đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng, phấn đấu đến năm 2015, số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 30-31% so tổng số dân; số hộ gia đình tham gia luyện tập thể dục thể thao đạt 24-25% so tổng số hộ. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trang thông tin điện tử huyện. Tiếp tục nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền thanh; thực hiện tốt chương trình địa phương phát trên sóng truyền hình tỉnh.

4. Về thực hiện chính sách xã hội, giải quyết việc làm

Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi đối với người có

công, người nghèo, trẻ em và các đối tượng xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn theo quy định; thực hiện hỗ trợ xây dựng xóa nhà ở đơn sơ cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách; triển khai thực hiện tốt các chương trình về giảm nghèo, giải quyết việc làm; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động; thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2015, nhằm tạo việc làm cho người lao động, phấn đấu đến năm 2015 tạo việc làm mới cho trên 5.000 lao động và tỷ lệ hộ nghèo giảm 1%/năm theo tiêu chí mới; đảm bảo các nguồn vốn tín dụng ưu đãi để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn huyện. Triển khai BHYT toàn dân, phấn đấu cuối năm 2015 tỷ lệ tham gia BHYT đạt trên 65% dân số toàn huyện.

Đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em; thực hiện các chương trình, đề án, các hoạt động trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; duy trì 100% xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp trẻ em. Tổ chức huy động các nguồn đóng góp ủng hộ của các cá nhân, tổ chức có lòng hảo tâm để cứu trợ kịp thời cho nhân dân các vùng gặp thiên tai, lũ lụt, khó khăn; triển khai có hiệu quả kế hoạch hiến máu tình nguyện hàng năm.

III. VỀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN, QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Về xây dựng chính quyền

Tập trung củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của cơ quan chính quyền từ huyện đến cơ sở; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ công chức các phòng, ban và UBND các xã- thị trấn nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức theo kế hoạch đề ra. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính thông qua cơ chế "một cửa" và "một cửa liên thông", loại bỏ các thủ tục gây phiền hà cho tổ chức và công dân, nhất là đối với một số lĩnh vực nhạy cảm. Kiên quyết đấu tranh phòng chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác thanh tra, thực hiện thanh tra theo kế hoạch; duy trì việc tiếp công dân định kỳ, tập trung rà soát, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền còn tồn đọng và phát sinh; tăng cường thanh tra trách nhiệm thủ trưởng trong giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý; tăng cường công tác hòa giải, giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân, phấn đấu 100% tổ hòa giải hoạt động hiệu quả; tăng cường thi hành án có điều kiện thi hành.

2. Về quốc phòng - an ninh

Tăng cường chức năng quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh; phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong việc kiểm tra, kiểm soát nắm chắc tình hình địa bàn, chủ động phòng chống và làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động bất ngờ, giữ vững ổn định chính trị ở địa phương. Xây dựng, củng cố lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên có số lượng hợp lý, chất lượng ngày càng cao, làm tốt nhiệm vụ tham gia bảo vệ trị an và sẵn sàng động viên khi có tình huống; tham gia phòng chống, khắc phục hậu

quả thiên tai, cứu hộ...Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, diễn tập và tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ, phấn đấu giao quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Chủ động phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng phản động, các băng nhóm tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức; hạn chế thấp nhất tội phạm ở lứa tuổi thanh thiếu niên; ngăn chặn có hiệu quả tội phạm ma túy, các tệ nạn xã hội, tội phạm gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ; áp dụng đồng bộ các giải pháp kiềm chế tai nạn giao thông; phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề liên quan đến an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo.

Phần thứ ba
MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị UBND tỉnh kiến nghị Chính phủ xem xét cho chủ trương chia tách xã Phước Sơn, Phước An thành 4 xã mới; đồng thời cho phép UBND huyện chuyển đổi một số thôn thành khu vực, khối phối phù hợp với chức năng của 02 thị trấn Tuy Phước và Diêu Trì.

2. Đề nghị UBND tỉnh kiến nghị Chính phủ sớm xem xét điều chỉnh những bất cập, chồng chéo giữa chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng ban và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện nhằm giúp thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước tại địa phương, *cụ thể:* Giữa Phòng Y tế, Trung tâm Y tế và Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình huyện nên sáp nhập và thành lập 01 đơn vị quản lý nhà nước để quản lý các lĩnh vực này tại địa phương; chuyển Trung tâm Văn hoá Thông tin và thể thao huyện từ đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện thành đơn vị sự nghiệp trực thuộc Phòng Văn hoá và Thông tin huyện để giúp phòng thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Đề nghị UBND tỉnh xem xét sớm có chủ trương cho phép bổ sung 02 xã Phước An, Phước Thành được đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2011-2015; đồng thời xem xét cân đối nguồn vốn hỗ trợ đầu tư theo cơ chế quy định để giúp 02 xã này hoàn thành 19/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Chính phủ./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- TT HU, TT HĐND huyện (b/c);
- CT các PCT UBND huyện;
- Mặt trận và các đoàn thể huyện;
- Các phòng, ban huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu : VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Huệ